

Bản án số: 97/2025/DS-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Nhựt – Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 195/2025/TLST - DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Phước A, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số nhà F, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Võ Văn V, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Số nhà C, ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1964

2. Bà Thái Thị Y, sinh năm 1962

Cùng cư trú: Số I, ấp A, xã A, tỉnh Vĩnh Long.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Phước A và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông A là ông Võ Văn V trình bày:

Năm 2018 ông Phạm Văn C có đến cửa hàng T do ông Lê Phước A làm chủ, để mua thức ăn và thuốc nuôi tôm, mua nhiều lần, khi mua hai bên giao kết khi nào

ông C, bà Y thu hoạch tôm sẽ trả tiền thức ăn cho ông A. Tính từ năm 2018 đến năm 2023, ông C, bà Y còn nợ số tiền 289.341.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng) ông C, bà Y có ký tên trong giấy nợ ông A số tiền là 289.341.000 đồng. Như vậy, hiện nay ông C, bà Y còn nợ lại ông A số tiền là 289.341.000 đồng, ông A có nhiều lần yêu cầu ông C, bà Y trả nợ nhưng ông C và bà Y không có thiện chí trả.

Ông Lê Phước A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xem xét, giải quyết buộc ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền là 289.341.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng). Nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Phạm Văn C trình bày: Ông thừa nhận từ năm 2018 ông và vợ là Thái Thị Y có đến cửa hàng T do ông Lê Phước A làm chủ để mua thức ăn và thuốc nuôi tôm, mua nhiều lần, khi mua hai bên giao kết thu hoạch tôm sẽ trả tiền thức ăn cho ông A, nhưng do nuôi tôm thua lỗ nên chưa trả hết nợ. Tính từ năm 2018 đến năm 2023 vợ chồng ông còn nợ số tiền 289.341.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng). Ông bà đồng ý liên đới trả cho ông Lê Phước A số tiền còn nợ là 289.341.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một ngàn đồng) nhưng yêu cầu mỗi năm trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Ông không đồng ý tính lãi suất chậm trả kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức 0,83%/tháng, do khi mua thức ăn nuôi tôm các bên không có thỏa thuận lãi suất.

* Tại phiên tòa bị đơn bà Thái Thị Y thống nhất với lời trình bày của ông Phạm Văn C, không có trình bày bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Tòa án; các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước A buộc ông C và bà Y liên đới thanh toán cho ông A 289.341.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu về thanh toán tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Lê Phước A vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, bị đơn ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y có nơi cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre (nay là xã A, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại “Giấy xác nhận nợ” đề ngày 25 tháng 12 năm 2023 thể hiện ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y còn nợ ông Lê Phước A số tiền 289.341.000 đồng, ông C và bà Y có ký tên vào giấy xác nhận nợ. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông C, bà Y đã thừa nhận còn nợ ông Lê Phước A số tiền 289.341.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, thực tế ông C và bà Y có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm với ông A, khi giao kết hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội. Mặc dù, thỏa thuận mua bán thức ăn nuôi tôm không được lập thành văn bản, nhưng trong quá trình mua bán được hai bên ký giấy xác nhận nợ trên cơ sở tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, theo đó bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng hóa cho bên bán theo thỏa thuận, việc ông C và bà Y không thanh toán khoản nợ mua bán nên ông A khởi kiện là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét thấy, ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y mua thức ăn nuôi tôm là để phục vụ kinh tế gia đình. Tại văn bản số 230/UBND-TP ngày 31/7/2025 của Ủy ban xã A cho biết ông C và bà Y có đăng ký kết hôn ngày 28/8/1998, nhưng trên phần mềm hộ tịch điện tử về đăng ký kết hôn không có lưu đăng ký kết hôn của ông C và bà Y. Như vậy, qua xác minh cho thấy ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y vẫn còn là vợ chồng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, khi vợ chồng tiến hành giao dịch nhằm phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Lê Phước A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn C, bà Thái Thị Y có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm là 289.341.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Xét ông Lê Phước A tự nguyện rút yêu cầu về tiền lãi là hoàn toàn tự nguyện theo đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi suất chậm trả.

[4] Các bên đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước A được chấp nhận nên ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.467.050 đồng. Nhưng do

ông C và bà Y là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 91, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025).

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước A.

Buộc ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Phước A số tiền 289.341.000 đồng (Hai trăm tám mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi một ngàn đồng)

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước A về việc yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Văn C và bà Thái Thị Y là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 7.234.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn đồng) cho ông Lê Phước A (do Võ Văn V nộp thay) theo biên lai thu số 0012253 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (P.GĐKT)
- VKS nhân dân khu vực 9;
- Phòng THA DS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Văn Phương